PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ CHUYỂN THEO DÕI RIÊNG

05 tháng năm 2024

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Việc			Tiền		
		Năm trước chuyển sang (chưa trừ theo dõi riêng)	Chưa có điều kiện (chưa trừ theo dõi riêng)	Chuyển theo dõi riêng	Năm trước chuyển sang (chưa trừ theo dõi riêng)	Chưa có điều kiện (chưa trừ theo dõi riêng)	Chuyển theo dõi riêng
I	**Tổng số việc chủ động**	**886**	**628**	**341**	**34,134,971**	**27,525,769**	**19,446,786**
1	Dân sự	241	143	63	3,419,099	1,967,833	749,463
2	Kinh doanh, thương mại	38	31	27	1,913,748	1,576,666	1,478,789
3	**Tín dụng**	-	-	-	-	-	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	2	2	-	56,206	55,706	-
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	2	-	-	883,277	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	573	432	236	26,512,555	23,738,662	17,059,029
7	DS trong hành chính	2	1	-	7,800	7,500	-
8	Hôn nhân và gia đình	27	18	14	1,333,397	170,513	150,615
9	Lao động	1	1	1	8,890	8,890	8,890
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-
II	**Tổng số việc theo yêu cầu**	**643**	**363**	**189**	**394,695,299**	**292,969,521**	**214,818,642**
1	Dân sự	356	164	81	96,915,908	55,940,612	25,869,666
2	Kinh doanh, thương mại	33	25	17	90,179,185	72,756,725	55,713,157
3	**Tín dụng**	**70**	**38**	**23**	**184,807,059**	**146,041,318**	**123,859,589**
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	2	2	1	218,847	218,847	177,138
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	1	-	-	25,973	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	109	84	40	20,074,344	15,733,496	7,848,013
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	57	35	14	1,370,164	1,131,411	549,923
9	Lao động	2	2	2	453,444	453,444	453,444
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	13	13	11	650,376	693,668	347,713
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-